

BỘ CÔNG THƯƠNG  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**QUY ĐỊNH  
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Hà Nội, 01/2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ  
tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

**HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trái với Quy định này đều được bãi bỏ.

**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Khoa đào tạo, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Đức Quý

## QUY ĐỊNH

### Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41/QĐ-DHCN, ngày 06 tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm: Trách nhiệm của Trung tâm Đào tạo Sau đại học, các đơn vị liên quan, giảng viên và học viên; tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

### Điều 2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo; có khả năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và thực tiễn; kỹ năng sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp; khuyến khích và tạo ẩn hưởng tích cực với mọi người nhằm đạt mục tiêu chung; vượt qua thách thức, biết nhận trách nhiệm, có tầm ảnh hưởng với xã hội.

### Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

- Đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng chương trình định hướng ứng dụng, với hai hình thức đào tạo, bao gồm: đào tạo chính quy và đào tạo vừa làm vừa học.
- Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt.
- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm, đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2 năm. Căn cứ vào điều kiện thực tế, Hiệu trưởng nhà trường cho phép học viên kéo dài thời gian đào tạo, thời gian đào tạo kéo dài thêm không được quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.



**Chương II**  
**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRUNG TÂM ĐÀO TẠO SAU  
ĐẠI HỌC, GIÁNG VIÊN, CAO HỌC VIÊN**

**Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Đào tạo Sau đại học**

1. Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết về tổ chức, quản lý đào tạo và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà trường trên cơ sở các Quy định tại Thông tư số 23/2021/TT-BGDDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
2. Phối hợp với Phòng Đào tạo xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm cho các ngành đã được phép đào tạo.
3. Phối hợp với các khoa chuyên môn, trường trực thuộc (sau đây gọi chung là khoa) mở ngành đào tạo mới, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.
4. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo Quy định này.
5. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định.
6. Trình Hiệu trưởng nhà trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định công nhận học viên, quyết định công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng điểm; cấp bằng và quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành.
7. Phối hợp với Phòng TC-KT và các đơn vị liên quan quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành.
8. Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.
9. Phối hợp các đơn vị liên quan công bố công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường về các hoạt động liên quan đến tuyển sinh và đào tạo sau đại học.
10. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định hiện hành.
11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ**

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài đề án tốt nghiệp.

2. Giảng viên phải có những tiêu chuẩn sau đây:

a) Tiêu chuẩn về nhân thân, đạo đức và sức khỏe: Là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

b) Tiêu chuẩn về trình độ:

- Có bằng tiến sĩ hoặc GS, PGS đối với giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết, hướng dẫn đề án tốt nghiệp và tham gia các Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp; Người có bằng tiến sĩ được tham gia giảng dạy, hướng dẫn đề án tốt nghiệp và tham gia Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp sau 12 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

- Có bằng thạc sĩ trở lên đối với các giảng viên giảng dạy học phần thực hành, thực tập, chuyên đề thực tế.

#### **Điều 6. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên**

1. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tiến độ, kế hoạch đào tạo, quy chế và quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và của nhà trường.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

6. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn đề án tốt nghiệp cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch đề tài đề án tốt nghiệp được phân công;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho nhà trường trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Quy định này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt đề án tốt nghiệp của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị nhà trường cho học viên bảo vệ đề án tốt nghiệp nếu thấy đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Quy định này.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ và quyền của học viên**

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước và nhà trường.

2. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ đề án tốt nghiệp lần hai hoặc thực hiện đề tài đề án tốt nghiệp mới theo quy định của nhà trường.
3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của nhà trường.
4. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.
5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường cho việc học tập, nghiên cứu.
6. Được đề nghị nhà trường thay người hướng dẫn đề án tốt nghiệp nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề án tốt nghiệp.
7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của nhà trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.
8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường.
9. Được bồi hoàn học phí khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kết luận do nhà trường vi phạm quy định dẫn đến học viên không được cấp bằng thạc sĩ.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III TUYỂN SINH**

#### **Điều 8. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: Xét tuyển và thi tuyển. Đối với công dân Việt Nam theo phương thức xét tuyển và thi tuyển. Đối với công dân nước ngoài theo phương thức xét tuyển.
2. Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ mỗi ngành được tổ chức 2 lần/năm.
3. Địa điểm tổ chức xét tuyển/thi tuyển sinh và học tập tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Khi được Hiệu trưởng cho phép tổ chức xét tuyển/thi tuyển sinh ngoài địa điểm trên, nhà trường sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của nhà trường theo quy định hiện hành.

#### **Điều 9. Thông báo tuyển sinh**

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển.
2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: Đối tượng và điều kiện dự tuyển; chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo; danh mục các ngành phù hợp của

từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung kiến thức; hồ sơ dự tuyển; kế hoạch và phương thức tuyển sinh; mức học phí, mức thu lệ phí tuyển sinh và khoản thu khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học; những thông tin cần thiết khác.

#### **Điều 10. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc**

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng nhà trường hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;
- b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó Hiệu trưởng nhà trường;
- c) Ủy viên thường trực: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học;
- d) Các ủy viên: Các Trưởng hoặc Phó trưởng đơn vị (phòng, khoa, bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ tuyển sinh.

2. Các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

- a) Thông báo tuyển sinh;
- b) Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển;
- c) Tổ chức các hoạt động tuyển sinh bao gồm: Xét tuyển, thi tuyển, chấm thi, công nhận kết quả thi và công nhận trúng tuyển;
- d) Tổng kết công tác tuyển sinh (quyết định khen thưởng, kỷ luật), lập báo cáo tổng hợp.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh:

- a) Phổ biến hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung về tuyển sinh theo quy định này;
- b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng nhà trường toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định này; đảm bảo quá trình tuyển sinh công khai, minh bạch, đảm bảo chất lượng.

5. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không được tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng.

#### **Điều 11. Đối tượng, điều kiện và đăng ký tuyển sinh**

Người dự tuyển phải đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có chứng nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Hiệu trưởng nhà trường sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học phù hợp.

**5. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ:**

Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Tốt nghiệp trình độ đại học hoặc công nhận tốt nghiệp tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong thời gian không quá 02 năm;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục II của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

6. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của nhà trường.

7. Đối với thí sinh người nước ngoài đăng ký tuyển sinh thực hiện theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

**Điều 12. Ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi**

1. Ngành đúng, ngành phù hợp là ngành đào tạo ở trình độ đại học trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ; nhà trường quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển.

2. Đối với các ngành quản trị và quản lý, ngành đúng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và trong thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường.

**Điều 13. Xét tuyển đối với công dân Việt Nam**

1. Căn cứ số lượng hồ sơ đủ điều kiện đăng ký xét tuyển, tổng chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường, năng lực đào tạo của ngành, Hiệu trưởng nhà trường quyết định số lượng và tỷ lệ % chỉ tiêu xét tuyển đối với công dân Việt Nam.

2. Căn cứ tỷ lệ chỉ tiêu xét tuyển theo Khoản 1, Điều 13 của Quy định này và lấy từ trên xuống theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:

- Thuộc đối tượng ưu tiên theo Điều 17 của Quy định này;
- Điểm của tạp chí nếu thí sinh có công trình công bố khoa học trên tạp chí;
- Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học: Cấp nhà nước, Cấp bộ/Tỉnh, cấp trường (theo thứ tự ưu tiên).

#### **Điều 14. Xét tuyển đối với công dân nước ngoài**

- Xét tuyển với công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại nhà trường, căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó;

- Chỉ tiêu xét tuyển đối với công dân nước ngoài của từng ngành đào tạo nhà trường sẽ thông báo theo hàng năm tuyển sinh;
- Thực hiện theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

#### **Điều 15. Thi tuyển**

Những thí sinh dự tuyển không đủ điều kiện xét tuyển hoặc không trúng tuyển khi xét tuyển được đăng ký dự thi.

1. Môn thi tuyển sinh gồm môn Cơ sở ngành và môn Chuyên ngành được nhà trường thông báo trong thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường.

2. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:

- Thuộc đối tượng ưu tiên theo Điều 17 của Quy định này;
- Điểm của tạp chí nếu thí sinh có công trình công bố khoa học trên tạp chí;
- Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học: Cấp nhà nước, Cấp bộ/Tỉnh, cấp trường (theo thứ tự ưu tiên).

#### **Điều 16. Học bổ sung kiến thức**

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành dự tuyển, Trường khoa sẽ xem xét để xuất học bổ sung kiến thức (nếu cần thiết), trường hợp thí sinh tốt nghiệp trên 05 năm là đối tượng bắt buộc phải học bổ sung kiến thức. Hiệu trưởng quyết định những trường hợp phải hoàn thành yêu

cầu học bổ sung trước khi dự tuyển. Thí sinh dự tuyển phải hoàn thành học bồi sung kiến thức trước khi nhập học.

### **Điều 17. Đối tượng ưu tiên**

1. Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
2. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
3. Con liệt sĩ;
4. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
5. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại khoản 1, Điều này;
6. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

### **Điều 18. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo dự thi**

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; việc lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện theo quy định Quy trình được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi phải được công bố công khai và thông báo đến người dự thi chậm nhất 10 ngày trước khi thi môn đầu tiên.

### **Điều 19. Đề thi tuyển sinh**

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:

a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của nhà trường, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

2. Dạng thức đề thi do Hiệu trưởng nhà trường quyết định trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Người ra đề thi phải có trình độ tiến sĩ;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

#### 4. Đề thi sử dụng là đề độc lập

Mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

6. Thang điểm của đề thi là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy định này và quy định hợp pháp khác của nhà trường; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

### Điều 20. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh được Hiệu trưởng nhà trường quy định cụ thể trong các quy trình.

2. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi được đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh.

3. Khu vực thi phải được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/tối đa 30 thí sinh; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2 m trở lên.

4. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo quy định của Quy định này và quy định liên quan khác của của Nhà trường và Bộ Giáo dục & Đào tạo.

### Điều 21. Chấm thi tuyển sinh

1. Quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trưởng ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng quy định của Quy định này và quy định hợp pháp của nhà trường; phải kịp thời báo cáo với chủ tịch hội đồng tuyển sinh về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

4. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng quyết định thành lập hội đồng chấm thẩm định một phần hoặc toàn bộ số bài thi tuyển sinh. Hội đồng này có tối thiểu 3 người (không bao gồm thành viên ban chấm thi), làm việc theo nguyên tắc nhất trí, có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi. Việc tổ chức đối thoại giữa hội đồng chấm thẩm định bài thi tuyển sinh với các cán bộ chấm thi, chấm phúc khảo hoặc yêu cầu giải trình trước khi kết luận điểm thi do chủ tịch hội đồng chấm thẩm định quyết định, trên cơ sở đề nghị của các thành viên hội đồng.

### **Điều 22. Điều kiện trúng tuyển**

#### **1. Điều kiện trúng tuyển với thí sinh xét tuyển**

a) Đạt điều kiện về ngoại ngữ theo Khoản 5, Điều 11 của Quy định này

b, Căn cứ vào tỷ lệ chỉ tiêu xét tuyển đã được công bố, năng lực đào tạo và kết quả điểm trung bình chung tích lũy của toàn bộ chương trình đào tạo đại học, các tiêu chí phụ (nếu có) theo Điều 13 của Quy định này, hội đồng tuyển sinh xác định phương án xét trúng tuyển.

#### **2. Điều kiện trúng tuyển với thí sinh thi tuyển**

a) Đạt điều kiện về ngoại ngữ theo Khoản 5, Điều 11 của Quy định này

b) Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải đạt 5 điểm (theo thang điểm 10) với mỗi môn thi, tiêu chí phụ (nếu có).

c) Căn cứ vào tỷ lệ chỉ tiêu thi tuyển đã được công bố, năng lực đào tạo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

### **Điều 23. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên**

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng nhà trường kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Hiệu trưởng nhà trường quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Nhà trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học.

#### **Điều 24. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh**

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Bộ trưởng Bộ Công thương là cơ quan chủ quản của nhà trường thành lập các đoàn thanh tra hoặc cử cán bộ phối hợp với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh ở các nhà trường.

3. Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại cơ sở mình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

#### **Chương IV CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **Điều 25. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ do nhà trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo định hướng ứng dụng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đổi mới để án tốt nghiệp phù hợp với định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Chương trình đào tạo đảm bảo khối lượng kiến thức 60 tín chỉ, chương trình đào tạo đổi mới với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm, đổi mới với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2 năm. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo Quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành đào tạo. Nếu cần thiết có thể nhắc lại phần kiến thức trình độ đại học, nhưng sự trùng lặp không được quá 5% cho mỗi học phần.

5. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và được nhà trường công bố cho học viên trước khi áp dụng.

## **Điều 26. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: kiến thức chung; kiến thức cơ sở và chuyên ngành; thực tập và đề án tốt nghiệp.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ (nếu có) học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, số tín chỉ các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

3. Khối lượng kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 42 tín chỉ.

4. Khối lượng Thực tập: 9 tín chỉ.

5. Khối lượng Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ.

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

- Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

## **Điều 27. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

2. Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá được nhà trường áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. Hiệu trưởng nhà trường công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Hiệu trưởng nhà trường quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, được hội đồng khoa học đào tạo của nhà trường thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

## Chương V HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

### **Điều 28. Địa điểm đào tạo**

1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài nhà trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.

2. Khi được Hiệu trưởng nhà trường cho phép hoặc quyết định việc tổ chức đào tạo một phần chương trình ở ngoài địa điểm trên, nhà trường sẽ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

### **Điều 29. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc người tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và ngành đào tạo phù hợp với ngành dự tuyển có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ của nhà trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ;

b) Điểm đánh giá đạt từ điểm C trở lên;

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

4. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, Hiệu trưởng nhà trường quyết định.

### **Điều 30. Đăng ký nhập học và tổ chức lớp học**

1. Học viên nhập học theo kế hoạch, nộp kinh phí đào tạo và nộp các loại giấy tờ liên quan theo quy định, các loại giấy tờ này được lưu giữ tại Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

2. Sau khi xem xét đủ điều kiện nhập học, Trung tâm Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập lớp và công nhận là học viên chính thức của nhà trường.

3. Học viên nhập học được nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về quy định đào tạo, danh mục chương trình đào tạo, kế hoạch học tập, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành,... để đảm bảo điều kiện nghiên

cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành.

4. Lớp học ổn định được tổ chức theo từng học phần bắt buộc có ý nghĩa tiên quyết trong một chương trình ở mỗi học kỳ.

5. Lớp học độc lập được tổ chức các học phần còn lại dựa vào đăng ký học tập của học viên ở từng học kỳ.

### **Điều 31. Tổ chức đào tạo**

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.

2. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung từng kỳ/đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

3. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp học thuộc các khoa học, hình thức và chương trình đào tạo. Kế hoạch giảng dạy và học tập các học phần trong chương trình đào tạo được bố trí vào thứ 7 và chủ nhật trong các tuần của học kỳ. Đảm bảo số giờ giảng đối với mỗi học phần không vượt quá 15 giờ trong một tuần và 04 giờ trong một ngày.

4. Nhà trường quy định quy trình học viên đăng ký học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ theo từng chương trình đào tạo; khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu trong mỗi học kỳ học viên được phép đăng ký nhưng tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy và không quá 30 tín chỉ đối với hình thức vừa làm vừa học.

5. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

6. Tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

8. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, nhà trường thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Đầu khóa học, Trung tâm Đào tạo Sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; thời gian dự kiến tổ chức bảo vệ đề án tốt nghiệp; các quy định của nhà trường có liên quan đến khóa học.

10. Căn cứ và quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành, Hiệu trưởng nhà trường quy định cụ thể các quy trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thông qua đề cương chi tiết học phần và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà trường.

### **Điều 32. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Đầu mỗi học kỳ/đợt học, học viên đăng ký các học phần học tập theo hướng dẫn của Trung tâm Đào tạo Sau đại học. Căn cứ vào điều kiện của bản thân, học viên tự cân đối để đăng ký khối lượng học tập phù hợp mà không vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 4 Điều 31 Quy định này.

2. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ/đợt học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

3. Căn cứ vào khối lượng đăng ký học tập của học viên Trung tâm Đào tạo Sau đại học sắp xếp học viên vào các lớp đã đăng ký.

4. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký và trả lại học phí chỉ được chấp thuận trong hai tuần kể từ đầu học kỳ/đợt học. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu học viên không đi học sẽ được xem như tự bỏ học và phải nhận điểm không đổi với học phần đó.

5. Học viên phải viết đơn rút bớt các học phần đã đăng ký gửi Trung tâm Đào tạo Sau đại học hoặc thực hiện ở hệ thống đại học điện tử của nhà trường.

### **Điều 33. Tổ chức kỳ thi và đánh giá học phần**

1. Việc thi hết học phần được tổ chức theo thời khóa biểu đã được Trung tâm Đào tạo Sau đại học thông báo trước mỗi kỳ/đợt học cho tất cả các học viên.

2. Trung tâm Đào tạo Sau đại học phối hợp với giảng viên phụ trách học phần tổ chức thi hết học phần theo lịch đã phát hành, thực hiện các công việc liên quan tới triển khai chấm thi và lưu trữ theo đúng quy định của nhà trường.

3. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

e) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp,...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

f) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

4. Điều kiện thi kết thúc học phần

- Học viên tham dự ≥ 70% số tiết học của các học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần;

- Học viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học của học phần sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần, nhận điểm 0 là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn);

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra thường xuyên, tổ chức kiểm tra và đánh giá điểm thường xuyên.

#### **Điều 34. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi do giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần đó tiến hành, có xác nhận của Trưởng khoa/khoa hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của nhà trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần và được giảng viên công bố với học viên trước khi học phần được bắt đầu giảng dạy.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm bài tiểu luận, bài tập lớn phải do 02 giảng viên đảm nhiệm. Thời gian lưu giữ bài thi kết thúc học phần là 5 năm sau học viên tốt nghiệp tại Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì trưởng tiểu ban quyết định. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm (làm tròn một chữ số thập phân) theo mẫu thống nhất được Trung tâm Đào tạo Sau đại học cung cấp, điền đầy đủ thông tin: ngày tháng, trọng số, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi. Bảng điểm được gửi lại và lưu tại Trung tâm Đào tạo Sau đại học, chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc học phần.

5. Học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng nhận điểm 0.

6. Học viên vắng mặt có lý do chính đáng, học viên nộp đơn kèm theo giấy tờ xác nhận về Trung tâm Đào tạo Sau đại học trước khi thi hoặc trong vòng 07 ngày sau ngày thi. Căn cứ đơn và giấy xác nhận, Trung tâm Đào tạo Sau đại học cho phép và sắp xếp lịch thi bổ sung cho học viên vào thời gian phù hợp.

#### **Điều 35. Cách tính điểm đánh giá học phần**

1. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Số điểm kiểm tra thường xuyên được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phải đảm bảo tối thiểu có 01 bài kiểm tra thường xuyên.

3. Điểm học phần là tổng của điểm trung bình kiểm tra thường xuyên nhân với trọng số 0,3 và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số 0,7 được làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 5,5 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn), sau đó được chuyển thành điểm chữ theo bảng sau:

Kết quả	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Xếp loại
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A	Giỏi
	Từ 7,7 đến 8,4	B <sup>+</sup>	Khá
	Từ 7,0 đến 7,6	B	
	Từ 6,2 đến 6,9	C <sup>+</sup>	Trung bình
	Từ 5,5 đến 6,1	C	
Không đạt	Từ 4,7 đến 5,4	D <sup>+</sup>	Trung bình yếu
	Từ 4,0 đến 4,6	D	
	Dưới 4,0	F	Kém

Kết quả các học phần trong chương trình đào tạo chỉ được xếp loại Đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên.

### Điều 36. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo bảng sau:

Điểm chữ	Thang điểm 4
A	4
B <sup>+</sup>	3,5
B	3
C <sup>+</sup>	2,5
C	2
D <sup>+</sup>	1,5
D	1
F	0

2. Điểm trung bình chung và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$D_{TBC} = \frac{\sum_{i=1}^N D_{HPI_i} \times n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

$D_{TBC}$  - Điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

$D_{HPI_i}$  - Điểm của học phần thứ i, lấy kết quả cao nhất của học phần, nếu có kết quả học lại;

$n_i$  - Số tín chỉ của học phần thứ i;

$N$  - Tổng số học phần.

Điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học sẽ được ghi vào bảng điểm cấp cho học viên khi tốt nghiệp (chỉ tính các học phần có kết quả Đạt).

### **Điều 37. Đăng ký học lại hoặc học đổi**

1. Học viên có học phần bắt buộc chưa đạt phải đăng ký học lại phần đó cho đến khi đạt điểm từ C trở lên;

2. Học viên có học phần tự chọn chưa đạt phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác;

3. Ngoài hai trường hợp trên, học viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm cao nhất trong các lần học sẽ được sử dụng để tính điểm trung bình tích lũy vào thời điểm xét tốt nghiệp.

Học viên đăng ký học lại tại Trung tâm Đào tạo Sau đại học, nộp học phí và thực hiện kế hoạch theo đúng lịch học tập được Trung tâm Đào tạo Sau đại học thông báo.

### **Điều 38. Đề án tốt nghiệp**

#### **1. Đề tài đề án tốt nghiệp**

a) Đề tài đề án tốt nghiệp do Trường khoa công bố trên cơ sở đề xuất của các giảng viên hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng khoa đồng ý sau khi đã tiến hành xem xét;

b) Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ đề án tốt nghiệp ít nhất 3 tháng, trên cơ sở đề nghị của Trường khoa và Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học;

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ đề án tốt nghiệp do Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng khoa đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do Hiệu trưởng nhà trường quy định.

2. Báo cáo đề án tốt nghiệp là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ quy định của nhà trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Đề án tốt nghiệp được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

3. Cách thức trình bày đề án tốt nghiệp theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến đề án tốt nghiệp được Hiệu trưởng nhà trường quy định cụ thể trong các Quy trình.

### **Điều 39. Hướng dẫn đề án tốt nghiệp và điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp**

#### 1. Hướng dẫn đề án tốt nghiệp:

a) Mỗi đề án tốt nghiệp có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn của chương trình định hướng nghiên cứu); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

#### 2. Điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là đề án tốt nghiệp đạt các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 38 quy định này;

c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

d) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong đề án tốt nghiệp.

### **Điều 40. Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp**

1. Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp do Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa và Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp đề án tốt nghiệp và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Quy định này.

2. Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp có ít nhất 03 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Buổi bảo vệ chỉ tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại nhà trường.

#### 3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, có chuyên ngành đào tạo phù hợp, am hiểu lĩnh vực của đề tài đề án tốt nghiệp;

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài đề án tốt nghiệp;

d) Người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ đề án tốt nghiệp không tham gia hội đồng;

đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá đề án tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá đề án tốt nghiệp trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng.

5. Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng nhà trường quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

#### **Điều 41. Đánh giá đề án tốt nghiệp**

1. Đề án tốt nghiệp được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của nhà nước.

2. Đề án tốt nghiệp thỏa mãn khoản 2 Điều 38 quy định này.

3. Điểm chấm đề án tốt nghiệp của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10; lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung đề án tốt nghiệp tối đa 9 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những đề án tốt nghiệp mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm đề án tốt nghiệp là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá đề án tốt nghiệp, làm tròn đến một chữ số thập phân. Đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

4. Trong trường hợp đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án tốt nghiệp để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.

Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng nhà trường giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu đề án tốt nghiệp không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung đề án tốt nghiệp, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

5. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn báo cáo đề án tốt nghiệp (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của nhà trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của nhà nước.

6. Hiệu trưởng nhà trường quy định chi tiết việc đánh giá đề án tốt nghiệp; hồ sơ, thủ tục buổi bảo vệ đề án tốt nghiệp; yêu cầu đối với bản nhận xét đề án tốt nghiệp, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện.

#### **Điều 42. Thẩm định đề án tốt nghiệp**

##### **1. Thành lập hội đồng thẩm định**

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy đề án tốt nghiệp không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Quy định này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng nhà trường thành lập hội đồng thẩm định đề án tốt nghiệp. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định đề án tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Quy định này; trong đó, nếu có thành viên thuộc nhà trường thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp.

##### **2. Thẩm định đề án tốt nghiệp**

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài đề án tốt nghiệp, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bộ cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của đề án tốt nghiệp, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một đề án tốt nghiệp;

b) Việc thẩm định đề án tốt nghiệp được thực hiện theo quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 41 Quy định này;

c) Tác giả đề án tốt nghiệp, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được nhà trường thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

##### **3. Xử lý kết quả thẩm định đề án tốt nghiệp không đạt yêu cầu**

Nếu hội đồng thẩm định kết luận đề án tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng nhà trường dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp đề án tốt nghiệp không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại đề án tốt nghiệp, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại đề án tốt nghiệp trước hội

đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 41 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại đề án tốt nghiệp hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng nhà trường giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 3 tháng. Hiệu trưởng nhà trường tổ chức đánh giá đề án tốt nghiệp theo các quy định tại khoản 2 Điều 39; Điều 40 và các khoản 1, 2, 3 Điều 41 Quy định này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung đề án tốt nghiệp, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

#### **Điều 43. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ**

##### **1. Điều kiện tốt nghiệp:**

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp điểm đạt từ 5,5 trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục II của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ;

c) Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng hoặc thành viên hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền về việc đề án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện, nộp đề án tốt nghiệp cho nhà trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 47 Quy định này;

d) Đã công bố công khai toàn văn đề án tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của nhà trường quy định tại khoản 9 Điều 4 Quy định này;

e) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập và không vi phạm khoản 3 Điều 3 quy định này.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học. Hội đồng do Hiệu trưởng nhà trường hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền làm chủ tịch, Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học làm ủy viên thường trực, các ủy viên

là trưởng đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng nhà trường công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành đề án tốt nghiệp; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định đề án tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng nhà trường cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

5. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành đào tạo, chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài đề án tốt nghiệp, điểm đề án tốt nghiệp và danh sách thành viên hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp.

6. Đối với các học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này, hiệu trưởng nhà trường cấp chứng nhận kết quả các học phần học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo (khi học viên có yêu cầu).

7. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## Chương VI NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

### Điều 44. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

3. Học viên được nhà trường quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

#### **Điều 45. Chuyển trường và chuyển chương trình đào tạo**

1. Học viên được xét chuyển trường và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo nơi xin chuyển đi và nơi xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng nhà trường nơi xin chuyển đi và nơi xin chuyển đến;

c) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển trường, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm quy định tại Điều 29 Quy định này.

3. Hiệu trưởng nhà trường quy định cụ thể thủ tục xin nghỉ, thẩm quyền cho nghỉ và việc tiếp nhận học viên trở lại học tập sau thời gian nghỉ học tạm thời trong quy trình chuyển trường.

#### **Điều 46. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo**

1. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo với các trường trong nước và nước ngoài theo yêu cầu sau:

a) Các trường trong nước phải được phép đào tạo cùng ngành ở trình độ thạc sĩ;

b) Các trường ở nước ngoài phải là cơ sở giáo dục đại học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, cho phép đào tạo và cấp bằng thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng.

2. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

a) Hiệu trưởng hai nhà trường đồng ý;

b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở trường phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo học viên đang theo học và bảo đảm quy định tại Điều 29 Quy định này.

3. Hiệu trưởng nhà trường quy định chi tiết về điều kiện, quy trình thực hiện trao đổi học viên; công nhận tín chỉ học viên đã tích lũy khi thực hiện chương trình đào tạo ở các trường phối hợp trong quy trình trao đổi học viên và công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

## Chương VII

### CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 47. Chế độ báo cáo, lưu trữ**

##### **1. Chế độ báo cáo**

a) Tháng 12 hàng năm, Hiệu trưởng nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên có hưu có trình độ tiến sĩ của nhà trường và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau (Phụ lục I);

b) Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

##### **2. Lưu trữ**

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của nhà trường phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại nhà trường;

c) Đề án tốt nghiệp đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

#### **Điều 48. Thanh tra, kiểm tra**

Nhà trường có trách nhiệm tổ chức việc tự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: công tác tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo, cấp bằng.

#### **Điều 49. Khiếu nại, tố cáo**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm quy định của nhà trường và của học viên.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật khiếu nại, tố cáo.

## **Điều 50. Xử lý vi phạm đối với học viên và cán bộ giảng viên**

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ đề án tốt nghiệp hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong đề án tốt nghiệp và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì đề án tốt nghiệp không đạt yêu cầu;

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ đề án tốt nghiệp.

### **3. Đối với cán bộ, giảng viên**

Cán bộ và giảng viên tham gia giảng dạy nếu vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 51. Điều khoản thi hành**

Quy định này áp dụng cho tất cả các khóa đào tạo thạc sĩ tuyển sinh từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ tuyển sinh trước ngày 15 tháng 10 năm 2021 áp dụng theo Quy định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định do Hiệu trưởng quyết định./.



**PGS.TS. Trần Đức Quý**

**Phụ lục I**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM ...**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHCN ngày tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc Ban hành Quy định  
tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI  
Số: /BC- DHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**  
**Tình hình đào tạo trình độ thạc sĩ năm ... (năm hiện tại)**

1. Số giảng viên cơ hữu là tiến sĩ, GS, PGS  
(tổng số và theo từng ngành, chuyên ngành)
2. Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm ... (năm hiện tại)

Ngành, chuyên ngành	Chỉ tiêu Thông báo	Đăng ký dự thi	Trúng tuyển	Nhập học			Ghi chú
				Tập trung toàn bộ TG	Tập trung theo đợt	Tổng số	
...							
...							
Tổng số							

3. Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp

Khóa học	Số, ngày Quyết định công nhận trúng tuyển	Số học viên hiện có			Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm ... (năm sau)			Ghi chú
		Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	

4. Đăng ký tuyển sinh năm ... (năm sau)

- Số lần tuyển sinh:
- Thời điểm tuyển sinh:
- Chỉ tiêu tuyển sinh:

**HỘI TRƯỞNG**  
(ký tên và đóng dấu)

**Phụ lục II**

**BẢNG THAM CHIỀU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ  
TUƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC  
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Quyết định số: 41/QĐ-DHCN ngày 06 tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc Ban hành Quy định  
tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Nhà trường sẽ gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

## MỤC LỤC

Chương I .....	1
QUY ĐỊNH CHUNG .....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Mục tiêu chương trình đào tạo .....	1
Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo .....	1
Chương II .....	2
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRUNG TÂM ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC VÀ CÁ NHÂN .....	2
Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Đào tạo Sau đại học .....	2
Điều 5. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ .....	2
Điều 6. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên .....	3
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền của học viên .....	3
Chương III .....	4
TUYỂN SINH .....	4
Điều 8. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh.....	4
Điều 9. Thông báo tuyển sinh .....	4
Điều 10. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc.....	5
Điều 11. Đối tượng, điều kiện và đăng ký tuyển sinh.....	5
Điều 12. Ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi .....	6
Điều 13. Xét tuyển đối với công dân Việt Nam.....	6
Điều 14. Xét tuyển đối với công dân nước ngoài .....	7
Điều 15. Thi tuyển .....	7
Điều 16. Học bổ sung kiến thức .....	7
Điều 17. Đối tượng và chính sách ưu tiên.....	8
Điều 18. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo dự thi.....	8
Điều 19. Đề thi tuyển sinh.....	8
Điều 20. Tổ chức thi tuyển sinh .....	9
Điều 21. Chấm thi tuyển sinh.....	9
Điều 22. Điều kiện trúng tuyển đối với thi tuyển.....	10
Điều 23. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên.....	10
Điều 24. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.....	11
Chương IV .....	11
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	11
Điều 25. Chương trình đào tạo .....	11

Điều 26. Cấu trúc chương trình đào tạo .....	12
Điều 27. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo .....	12
Chương V .....	13
<b>HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO .....</b>	<b>13</b>
Điều 28. Địa điểm đào tạo.....	13
Điều 29. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.....	13
Điều 30. Đăng ký nhập học và tổ chức lớp học .....	13
Điều 31. Tổ chức đào tạo .....	14
Điều 32. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký .....	15
Điều 33. Tổ chức kỳ thi và đánh giá học phần.....	15
Điều 34. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần ..	16
Điều 35. Cách tính điểm đánh giá bộ phận và học phần.....	16
Điều 36. Cách tính điểm trung bình chung .....	17
Điều 37. Đăng ký học lại hoặc học đổi .....	18
Điều 38. Đề án tốt nghiệp.....	18
Điều 39. Hướng dẫn đề án tốt nghiệp và điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp .....	19
Điều 40. Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp.....	19
Điều 41. Đánh giá đề án tốt nghiệp .....	20
Điều 42. Thẩm định đề án tốt nghiệp .....	21
Điều 43. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ .....	22
Chương VI .....	23
<b>NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HỌC VIÊN .....</b>	<b>23</b>
Điều 44. Nghỉ học tạm thời, thôi học .....	23
Điều 45. Chuyển trường và chuyển chương trình đào tạo .....	24
Điều 46. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo .....	24
Chương VII .....	25
<b>CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TÓ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM .....</b>	<b>25</b>
Điều 47. Chế độ báo cáo, lưu trữ .....	25
Điều 48. Thanh tra, kiểm tra .....	25
Điều 49. Khiếu nại, tố cáo.....	25
Điều 50. Xử lý vi phạm đối với học viên và cán bộ giảng viên.....	26
Chương VIII .....	26
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>26</b>
Điều 51. Điều khoản thi hành .....	26

Phụ lục I .....	27
Phụ lục II .....	28
MỤC LỤC .....	30